

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Số: 429 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

12500-00
NHÂN
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
LOITTT
T NAM
TP. HỒ C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 17 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		606.333.258.360	423.132.270.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	185.782.344.139	210.033.413.838
1. Tiền	111		2.110.798.462	2.321.132.591
2. Các khoản tương đương tiền	112		183.671.545.677	207.712.281.247
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		257.384.941.666	117.348.141.795
1. Đầu tư ngắn hạn	121		257.384.941.666	117.348.141.795
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.822.566.861	90.201.693.652
1. Phải thu khách hàng	131		130.225.686.638	57.810.481.172
2. Trả trước cho người bán	132		409.852.475	3.330.760.222
3. Các khoản phải thu khác	135	6	37.324.886.240	29.142.137.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.137.858.492)	(81.685.664)
IV. Hàng tồn kho	140	7	6.832.213.016	5.286.590.411
1. Hàng tồn kho	141		6.832.213.016	5.286.590.411
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		511.192.678	262.430.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.492.678	198.830.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		418.700.000	63.600.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 220+250)	200		776.789.377.465	886.538.541.275
I. Tài sản cố định	220		423.143.776.113	542.324.111.275
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	406.841.419.149	533.107.015.793
- Nguyên giá	222		1.972.930.283.716	1.969.380.952.826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.566.088.864.567)	(1.436.273.937.033)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	16.302.356.964	9.217.095.482
- Nguyên giá	228		17.417.750.910	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.115.393.946)	(852.469.278)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		353.645.601.352	344.214.430.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	186.134.430.000	186.134.430.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	8.400.000.000	6.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	173.080.000.000	152.080.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	12	(13.968.828.648)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.383.122.635.825	1.309.670.811.879


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014


Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		362.393.903.346		379.570.530.368	
I. Nợ ngắn hạn	310		133.290.265.096		196.952.281.922	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	32.348.186.150		98.936.000.000	
2. Phải trả người bán	312		7.204.058.471		12.342.533.796	
3. Người mua trả tiền trước	313		96.954.862		18.438.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	40.325.043.485		41.483.253.391	
5. Phải trả người lao động	315		26.062.702.321		16.950.618.886	
6. Chi phí phải trả	316	15	13.008.497.734		13.827.616.598	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	6.760.544.035		6.850.215.614	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.484.278.038		6.543.605.637	
II. Nợ dài hạn	330		229.103.638.250		182.618.248.446	
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	227.079.000.000		182.618.248.446	
2. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.024.638.250		-	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.020.728.732.479		930.100.281.511	
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.020.728.732.479		930.100.281.511	
1. Vốn cổ phần	411		700.000.000.000		700.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091		56.454.368.091	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.589.508.420		-	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		-		24.215.409.893	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		235.684.855.968		149.430.503.527	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.383.122.635.825		1.309.670.811.879	




Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng





Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	641.619.616.847	450.399.625.106
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		641.619.616.847	450.399.625.106
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	278.470.925.782	219.936.610.323
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		363.148.691.065	230.463.014.783
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		24.488.560.235	22.404.934.614
6. Chi phí tài chính	22	23	42.138.404.261	37.542.834.717
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.169.575.613	37.410.915.849
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.489.144.938	19.246.500.996
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		306.009.702.101	196.078.613.684
9. Thu nhập khác	31		899.152.875	974.080.571
10. Chi phí khác	32		473.479.198	47.747.128
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		425.673.677	926.333.443
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		306.435.375.778	197.004.947.127
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	70.400.519.810	47.574.443.600
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		236.034.855.968	149.430.503.527

Hồ Thành Công
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	306.435.375.778	197.004.947.127
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	131.697.808.020	128.660.587.010
Các khoản dự phòng	03	26.025.001.476	(311.013.191)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(24.770.591.641)	(22.273.015.746)
Chi phí lãi vay	06	28.169.575.613	37.410.915.849
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	467.557.169.246	340.492.421.049
Thay đổi các khoản phải thu	09	(87.704.390.328)	14.989.394.098
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.545.622.605)	(148.495.766)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(19.666.305.949)	15.047.485.625
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	106.338.230	809.288.209
Tiền lãi vay đã trả	13	(28.988.694.477)	(34.185.810.940)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(45.846.374.024)	(55.935.967.061)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.470.832.599)	(4.056.319.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	279.441.287.494	277.011.996.022
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.564.619.640)	(5.136.630.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	329.178.188	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(161.036.799.871)	(109.230.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	31.311.172.777
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.400.000.000)	(55.040.761.872)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.845.772.890
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.790.656.080	22.659.945.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(156.881.585.243)	(105.590.500.866)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	264.427.186.150	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(270.829.000.000)	(56.312.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(140.408.958.100)	(104.036.057.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(146.810.771.950)	(160.348.057.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.251.069.699)	11.073.438.056
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	210.033.413.838	198.959.975.782
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	185.782.344.139	210.033.413.838



Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4403000108 ngày 01 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty phát điện 2 – Cổ đông Nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 133 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 136 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy; cho thuê phương tiện giao thông; kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam “VND”, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải vay, các khoản trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 20
Thiết bị văn phòng	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các doanh nghiệp khác được lập khi vốn góp thực tế của các bên vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các doanh nghiệp khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của đơn vị nhận đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Trong đó, bên liên quan của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính riêng là các công ty con, công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.094.236.901	577.414.524
Tiền gửi ngân hàng	1.016.561.561	1.743.718.067
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>183.671.545.677</u>	<u>207.712.281.247</u>
	<u>185.782.344.139</u>	<u>210.033.413.838</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương với thời hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 4.5% đến 5% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả hộ BQLDA Thủy điện Thác Mơ mở rộng	19.963.104.346	10.512.857.795
Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.749.260.242	10.749.260.242
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	-	7.189.659.328
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.988.418.044	290.513.889
Phải thu khác	<u>624.103.608</u>	<u>399.846.668</u>
	<u>37.324.886.240</u>	<u>29.142.137.922</u>

(*) Theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14 tháng 11 năm 2012, công ty sẽ giải thể và thanh lý tài sản. Các khoản góp vốn sẽ được hoàn trả cho cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được phân loại lại thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.016.124.379	3.700.279.604
Công cụ, dụng cụ	98.797.723	240.121.402
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>2.717.290.914</u>	<u>1.346.189.405</u>
	<u>6.832.213.016</u>	<u>5.286.590.411</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.242.387.984.509	601.072.505.152	116.366.843.924	9.553.619.241	1.969.380.952.826
Mua sắm mới	-	2.432.903.400	2.072.734.545	710.795.545	5.216.433.490
Thanh lý	-	-	(1.667.102.600)	-	(1.667.102.600)
Tại ngày 31/12/2014	1.242.387.984.509	603.505.408.552	116.772.475.869	10.264.414.786	1.972.930.283.716
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	731.414.730.313	595.764.140.571	100.118.960.643	8.976.105.506	1.436.273.937.033
Khấu hao trong năm	118.639.691.267	1.245.768.909	11.333.848.025	215.575.151	131.434.883.352
Thanh lý	-	-	(1.619.955.818)	-	(1.619.955.818)
Tại ngày 31/12/2014	850.054.421.580	597.009.909.480	109.832.852.850	9.191.680.657	1.566.088.864.567
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	510.973.254.196	5.308.364.581	16.247.883.281	577.513.735	533.107.015.793
Tại ngày 31/12/2014	392.333.562.929	6.495.499.072	6.939.623.019	1.072.734.129	406.841.419.149

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 603.897.589.371 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 47.522.595.444 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 396.764.670.585 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 266.553.507.897 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01 tháng 9 năm 2009 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là 767.131.290 đồng, giá trị còn lại là 5.036.215.895 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07 tháng 9 năm 2009 đến ngày 07 tháng 12 năm 2059. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là 348.262.656 đồng, giá trị còn lại là 3.917.954.919 đồng.
- Quyền sử dụng thửa đất số 12 tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 29 năm, từ ngày 29 tháng 12 năm 2014 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 7.348.186.150 đồng. Tài sản bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 29 tháng 12 năm 2014 nên chưa trích khấu hao trong kỳ.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>31/12/2014 VND</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	99,78%	99,92%	137.200.000.000	Thủy điện - đang xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa	Gia Lai	61,52%	61,52%	48.934.430.000	Thủy điện
				<u><u>186.134.430.000</u></u>	

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>31/12/2014 VND</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	20%	20%	8.400.000.000	Phong điện - đang xây dựng
				<u><u>8.400.000.000</u></u>	

10-002
HÀNH
TY
HỮU H
TTE
AM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ Điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>21.000.000.000</u>	-
	173.080.000.000	152.080.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(13.968.828.648)</u>	-
	<u>159.111.171.352</u>	<u>152.080.000.000</u>

13. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn (*)	7.348.186.150	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	<u>25.000.000.000</u>	<u>98.936.000.000</u>
	<u>32.348.186.150</u>	<u>98.936.000.000</u>

(*) Khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 từ Hợp đồng tín dụng số 140170/2014-HDTHDM/NHCT504-THAC MO với hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000.000 đồng ngày 29 tháng 12 năm 2014 từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Phước với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay của Hợp đồng hạn mức là 6 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.530.237.429	591.821.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.661.949.190	6.107.803.404
Thuế thu nhập cá nhân	20.574.808	80.164.963
Thuế tài nguyên	2.373.024.058	901.329.125
Phí dịch vụ môi trường rừng	<u>4.739.258.000</u>	<u>33.802.134.240</u>
	<u>40.325.043.485</u>	<u>41.483.253.391</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay phải trả	13.008.497.734	13.827.616.598
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>-</u>	-
	<u>13.008.497.734</u>	<u>13.827.616.598</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	30.147.000	30.439.120
Phải trả cổ tức cho cổ đông	5.956.059.212	6.012.737.312
Các khoản phải trả khác	774.337.823	807.039.182
	<u>6.760.544.035</u>	<u>6.850.215.614</u>

17. VAY DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước ⁽¹⁾	252.079.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	106.554.248.446
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	175.000.000.000
Tổng các khoản vay dài hạn	<u>252.079.000.000</u>	<u>281.554.248.446</u>
Trong đó:		
- Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 13)	<u>(25.000.000.000)</u>	<u>(98.936.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>227.079.000.000</u>	<u>182.618.248.446</u>

(1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, theo Hợp đồng tín dụng 14420023/2014 - HDDTDDDA/NHCT504-THACMO ngày 10 tháng 4 năm 2014 với mục đích trả nợ vay cho Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi vay được điều chỉnh và thanh toán 03 tháng một lần, nợ gốc được thanh toán 06 tháng 1 kỳ. Khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị như trình bày ở Thuyết minh số 8.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	25.000.000.000	98.936.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	132.500.000.000	182.618.248.446
Sau năm năm	94.579.000.000	-
	<u>252.079.000.000</u>	<u>281.554.248.446</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 13 phần vay ngắn hạn)	25.000.000.000	98.936.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>227.079.000.000</u>	<u>182.618.248.446</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn cổ phần**

	31/12/2014	31/12/2013
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Tên cổ đông	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	273.151.100.000	39,02	248.322.300.000	35,47
Khác	63.433.900.000	9,06	88.262.700.000	12,61
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

250

I NH

Đ NG

HIỆ

LOI

T M

P. t

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN**Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn có phần VND	Vốn khác của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	700.000.000.000	5.905.440.607	25.912.186.123	17.074.246.893	142.823.264.861	891.715.138.484
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	149.430.503.527	149.430.503.527
Phân phối lợi nhuận	-	-	24.636.741.361	7.141.163.000	(31.777.904.361)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.045.360.500)	(6.045.360.500)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn	-	50.548.927.484	(50.548.927.484)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	700.000.000.000	56.454.368.091	-	24.215.409.893	149.430.503.527	930.100.281.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	236.034.855.968	236.034.855.968
Phân loại lại (2)	-	-	24.215.409.893	(24.215.409.893)	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.374.098.527	-	(4.374.098.527)	-
Trích khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	(5.056.405.000)	(5.056.405.000)
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	28.589.508.420	-	235.684.855.968	1.020.728.732.479

(1) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-TMHP-CĐ-DHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ. Công ty đã công bố cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 với số tiền là 140.000.000.000 đồng. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển, và Quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 4.374.098.527 đồng và 5.056.405.000 đồng.

(2) Trong năm Công ty thực hiện phân loại lại quỹ dự phòng đầu tư tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo quy định Thông tư số 220/2013/TT-BTC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	635.417.975.595	441.580.553.138
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.201.641.252	8.819.071.968
	<u>641.619.616.847</u>	<u>450.399.625.106</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn sản xuất điện	274.233.639.493	213.722.772.176
Giá vốn dịch vụ cung cấp	4.237.286.289	6.213.838.147
	<u>278.470.925.782</u>	<u>219.936.610.323</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	3.464.448.619	4.912.157.606
Chi phí nhân công	39.123.798.380	30.280.139.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.697.808.020	128.660.587.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.023.126.060	2.666.235.830
Chi phí sửa chữa lớn	43.200.220.639	21.458.474.167
Chi phí khác	92.213.382.713	44.991.678.972
	<u>313.722.784.431</u>	<u>232.969.273.172</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay	28.169.575.613	37.410.915.849
Dự phòng đầu tư dài hạn	13.968.828.648	-
Lỗ đầu tư tài chính dài hạn	-	131.918.868
	<u>42.138.404.261</u>	<u>37.542.834.717</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	306.435.375.778	197.004.947.127
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(525.087.750)</i>	<i>(7.080.000.000)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>14.445.498.828</i>	<i>372.827.273</i>
Thu nhập chịu thuế	320.355.786.856	190.297.774.400
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	70.478.273.108	47.574.443.600
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm	77.753.298	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh	70.400.519.810	47.574.443.600

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	259.427.186.150	281.554.248.446
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	185.782.344.139	210.033.413.838
Nợ thuần	73.644.842.011	71.520.834.608
Vốn chủ sở hữu	1.020.728.732.479	930.100.281.511
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,07	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.782.344.139	210.033.413.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.412.714.386	86.870.933.430
Đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	117.348.141.795
Đầu tư dài hạn	159.111.171.352	152.080.000.000
	757.691.171.543	566.332.489.063
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	259.427.186.150	281.554.248.446
Phải trả người bán và phải trả khác	8.010.823.294	19.192.749.410
Chi phí phải trả	13.008.497.734	13.827.616.598
	280.446.507.178	314.574.614.454

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm sẽ giảm/tăng 5.188.543.723 đồng (năm 2013: 5.631.084.969 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải vì mục đích kinh doanh mà cho chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 2- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.782.344.139	-	-	185.782.344.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.412.714.386	-	-	155.412.714.386
Đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	-	-	257.384.941.666
Đầu tư dài hạn	-	21.000.000.000	138.111.171.352	159.111.171.352
	598.580.000.191	21.000.000.000	138.111.171.352	757.691.171.543
31/12/2014				
Các khoản vay	32.348.186.150	132.500.000.000	94.579.000.000	259.427.186.150
Phải trả người bán và phải trả khác	8.010.823.294	-	-	8.010.823.294
Chi phí phải trả	13.008.497.734	-	-	13.008.497.734
	53.367.507.178	132.500.000.000	94.579.000.000	280.446.507.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	545.212.493.013	(111.500.000.000)	43.532.171.352	477.244.664.365
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.033.413.838	-	-	210.033.413.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.870.933.430	-	-	86.870.933.430
Đầu tư ngắn hạn	117.348.141.795	-	-	117.348.141.795
Đầu tư dài hạn	-	-	152.080.000.000	152.080.000.000
	414.252.489.063	-	152.080.000.000	566.332.489.063
31/12/2013				
Các khoản vay	98.936.000.000	182.618.248.446	-	281.554.248.446
Phải trả người bán và phải trả khác	19.192.749.410	-	-	19.192.749.410
Chi phí phải trả	13.827.616.598	-	-	13.827.616.598
	131.956.366.008	182.618.248.446	-	314.574.614.454
Chênh lệch thanh khoản thuần	282.296.123.055	(182.618.248.446)	152.080.000.000	251.757.874.609

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

00-002
HÀNH
G TY
EM HỮU
ITTE
NAM
HỒ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 2	Chủ sở hữu
Công ty Mua bán điện	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Đơn vị cùng Tập đoàn
Trung tâm Công Nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty mua bán điện	635.365.414.893	441.515.616.473
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	500.507.582	-
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.939.951.311	14.108.120.016
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	6.335.038.891	23.302.795.833
Mua hàng		
Trung tâm Công Nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	111.366.715	-
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	-	50.979.031.872
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	2.400.000.000	3.400.000.000
Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrosa	-	661.730.000
Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát	<u>445.200.000</u>	<u>445.200.000</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:		
	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty mua bán điện	127.598.712.997	53.862.009.725
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	1.815.410.388	935.736.139
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	92.094.767
Phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.876.704.790	-
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	-	180.392.831
Trung tâm Công Nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	55.683.357	48.150.977
Các khoản vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	106.554.248.446
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	175.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
 Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.876.704.790	9.490.727.711
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	<u>-</u>	<u>4.336.888.887</u>
Cổ tức đã trả		
Tổng công ty phát điện 2	<u>72.683.000.000</u>	<u>54.512.250.000</u>




Hồ Thành Công
 Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng





Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015